

Số: **10** /2010/TT-BCT

Hà Nội, ngày **29** tháng 3 năm 2010

THÔNG TƯ

Quy định hàng hoá được sản xuất từ nước có chung biên giới nhập khẩu vào nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hoá cư dân biên giới thời kỳ 2010 – 2012

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới;

Căn cứ Quyết định số 139/2009/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới;

Sau khi thống nhất với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới, Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hàng hoá được sản xuất từ nước có chung biên giới nhập khẩu vào nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hoá cư dân biên giới thời kỳ 2010 – 2012 như sau:

Điều 1. Danh mục hàng hoá được sản xuất từ nước có chung biên giới nhập khẩu dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hoá cư dân biên giới

Danh mục hàng hoá được sản xuất từ nước có chung biên giới nhập khẩu dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hoá cư dân biên giới được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực theo hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2010 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012. 

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, ngành;
- HĐND, UBND các tỉnh / TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia;
- Website Chính phủ, Website Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng; các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Sở Công Thương các tỉnh / TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TMMN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Cẩm Tú

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục
DANH MỤC HÀNG HOÁ ĐƯỢC SẢN XUẤT TỪ NƯỚC CÓ CHUNG BIÊN GIỚI
NHẬP KHẨU DƯỚI HÌNH THỨC MUA, BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HOÁ CƯ DÂN
BIÊN GIỚI THỜI KỲ 2010 - 2012
(Kèm theo Thông tư số 10 /2010/TT-BCT ngày 29 tháng 3 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Mã HS	Mô tả hàng hoá
1.	03.01	Cá sống
2.	03.05	Cá sấy khô
3.	Chương 07	Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được
4.	Chương 08	Quả tươi hoặc khô
5.	10.05	Ngô
6.	10.06	Lúa gạo
7.	11.010010	Bột mỳ
8.	12.01	Đậu tương đã hoặc chưa vỡ mảnh
9.	12.02	Lạc vỏ hoặc lạc nhân chưa rang
10.	12.074000	Hạt vừng
11.	13.01	Nhựa cánh kiến đỏ, nhựa tự nhiên, nhựa cây, nhựa gôm, nhựa dầu
12.	14.01	Tre, song, mây, sậy, liễu giỏ, cây bấc, cọ sợi, đã rửa sạch, chuội hoặc các loại rơm, rạ ngũ cốc đã tẩy hoặc nhuộm và vỏ cây đoạn
13.	19.023010	Mì ăn liền
14.	20.081910	Hạt điều
15.	25.010010	Muối ăn
16.	25.05	Các loại cát tự nhiên
17.	25.23	Xi măng các loại
18.	Chương 27	Than đá, than non, than bùn, than cốc; xăng, dầu, khí các loại
19.	Chương 31	Phân bón các loại
20.	40.01	Cao su tự nhiên
21.	42	Cặp tài liệu, cặp sách, cặp học sinh

22.	44	Các mặt hàng từ gỗ
23.	62.09	Quần áo may sẵn
24.	64.01	Giày, dép các loại
25.	68.010000	Các loại đá lát, đá lát lề đường, và phiến đá lát đường, bằng đá tự nhiên
26.	69.02	Gạch (trừ gạch men), gạch khối, ngói chịu lửa
27.	73.08	Các cấu kiện bằng sắt hoặc thép và các bộ phận rời của các cấu kiện (ví dụ: cầu, nhịp cầu, cửa cống, cột lưới, mái nhà, khung mái, cửa ra vào, cửa sổ, và các loại khung cửa, ngưỡng cửa ra vào, cửa chớp, lan can, cột trụ và các loại cột khác) bằng sắt hoặc thép; tấm, thanh, góc, khuôn, hình ống và các loại tương tự đã được gia công để dùng làm cấu kiện xây dựng, bằng sắt hoặc thép
28.	82.01	Dụng cụ cầm tay gồm: mai, xẻng, cuốc chim, cuốc, dụng cụ xới và làm tơi đất, chĩa và cào; rìu, câu liềm và các dụng cụ tương tự dùng để cắt chặt; kéo cắt cây, kéo tỉa cây các loại; hái, liềm, dao cắt cỏ, kéo tỉa xén hàng rào, cái nêm gỗ và các dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp, làm vườn hoặc trong lâm nghiệp.
29.	82.15	Thìa, dĩa, muôi, thìa hớt kem, hớt bọt, đồ xúc bánh, dao ăn cá, dao cắt bơ, kẹp gấp đường và các loại đồ dùng nhà bếp, bộ đồ ăn tương tự
30.	85.07	Ắc quy điện
31.	85.36	Đui đèn, phích cắm, ổ cắm
32.	85.39	Các loại bóng đèn dây tóc, trừ đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại
33.	85.44	Dây, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) cách điện
34.	96.09	Bút chì, bút màu, ruột chì, phấn màu, than vẽ, phấn vẽ hoặc viết và phấn thợ may
35.	96.08	Bút bi; bút phớt, bút phớt có ruột khác, bút đánh dấu; bút máy, bút máy ngòi ống và các loại bút khác; các loại bút chì bấm hoặc bút chì đẩy, quần bút mực, quần bút chì, các loại quần bút tương tự